TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 28/2026/HNGĐ-ST Ngày 27 - 03 - 2026 V/v yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Vinh.

2. Ông Vũ Công Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỷ - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Bích Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025, về việc: *Yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung khi ly hôn,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 19/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên toà số 22/2026/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Đường T, thôn H, xã P, tỉnh Đắk Lắk – có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Chiến Th, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng

ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/4/2019 (nay là Uỷ ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk). Thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc, nhưng quá trình chung sống chúng tôi phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Vì vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống tôi yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Chiến Th.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Phạm Phúc K, sinh ngày 31/8/2019, từ khi sinh ra cho đến nay con vẫn do tôi trực tiếp nuôi dưỡng nên tôi yêu cầu giao con cho tôi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và anh Th không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Chiến Th quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các giấy báo tham gia tố tụng, tham gia phiên họp, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng anh Phạm Chiến Th không có văn bản nêu ý kiến, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không thể tiến hành hoà giải được. Khi Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử đã cấp, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các giấy báo tham gia phiên tòa nhưng anh Phạm Chiến Th vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử vụ án đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng đã vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án là không thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai mà không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định theo Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Chiến Th.

Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Phúc K, sinh ngày 31/8/2019 cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Phạm Chiến Th phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn và giải quyết về con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và quy định về thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Phạm Chiến Th đã được cấp, tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà, các giấy báo tham gia phiên toà những vẫn vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai mà không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Chị T và anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 25/4/2019 (nay là Uỷ ban nhân dân xã P, tỉnh Đắk Lắk), theo giấy chứng nhận kết hôn số 63/2019, ngày 25/4/2019, quan hệ hôn nhân là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Xét lời trình bày của chị T cho rằng quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn là có cơ sở, thực tế chị T và anh Th đã không còn chung sống, ly thân từ năm 2020 đến nay là có cơ sở. Do đó, có căn cứ xác định, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh Th xảy ra mâu thuẫn là có thật và kéo dài, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, cần chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh Th là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh Th có một con chung là cháu Phạm Phúc K, sinh ngày 31/8/2019. Từ khi không còn chung sống, chị T là người trực tiếp nuôi con nên để đảm bảo con ổn định nơi sinh sống và học tập cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao con chung cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Phạm Chiến Th.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Phúc K, sinh ngày 31/8/2019 cho chị Trần Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Phạm Chiến Th phải cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị T xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004782 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 8 - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 8 - Đắk Lắk;
- UBND xã P, tỉnh Đắk Lắk
(Số ĐK 69/2019; UBND xã P);
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân